

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 02 NĂM 2021

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Bước sang tháng 2/2021, hoạt động sản xuất công nghiệp bị gián đoạn trong và sau dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02 giảm mạnh (-13,06%) so với tháng trước và tăng 7,03% so với tháng cùng kỳ năm trước¹. Tính từ đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng 8,05% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,28%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 9,48%; Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 5,14%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,51% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 2/2021, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Tầm lợp pro xi măng tăng 47,02%; lốp xe các loại 35,9%; nước hoa quả, tăng lực tăng 29,02%; ván ép tăng 21,0%; quặng zircon tăng 16,07%; điện sản xuất 12,2%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Dăm gỗ giảm 20,53%; xi măng giảm 17,48%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 13,39%; sẫm xe các loại giảm 8,85%; quần áo may sẵn giảm 8,7%; đá xây dựng giảm 6,37%; quặng inmenit giảm 6,49%; nước máy giảm 4,56%; điện thương phẩm giảm 0,54% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và dịch vụ

Tháng 2/2021 trong và sau dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, các hoạt động kinh doanh thương mại diễn ra khá trầm lắng, nhu cầu mua sắm của người dân không tăng nhiều. Nhìn chung, giá cả hàng hóa trước, trong và sau Tết cơ bản ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, hàng hoá phục vụ Tết phong phú, đa dạng, phục vụ tốt cho nhu cầu mua sắm tết của nhân dân; không có tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến. Hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua sắm của người dân, đặc biệt là bà con ở vùng sâu, vùng xa trong dịp tết Nguyên Đán Tân Sửu.

¹ Trong đó: Ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí, công nghiệp khai khoáng và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lần lượt là 12,41% và 7,03% so với tháng cùng kỳ năm trước; Riêng ngành công nghiệp khai khoáng và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải lần lượt giảm 6,44% và 1,13% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02/2021 ước đạt 2.936,64 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước. Trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.601,88 tỷ đồng, tăng 3,89% so với tháng trước; Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 227,9 tỷ đồng, giảm 8,65%; dịch vụ khác ước đạt 106,87 tỷ đồng, tăng 1,12% so tháng trước. Riêng ngành lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch tạm ngưng hoạt động do thực hiện biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Cộng dồn hai tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5.796,22 tỷ đồng, tăng 8,96% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổng hợp báo cáo các nội dung có liên quan tại Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 21/01/2021 của HĐND theo yêu cầu Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh; Báo cáo tình hình hoạt động cụm công nghiệp, cụm công nghiệp – làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2020. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội xuân năm 2021; Triển khai tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2021.

- Tham mưu thực hiện công tác bồi thường GPMB Dự án Trạm biến áp 220kV Lao Bảo và Đường dây 220kV Đông Hà - Lao Bảo; Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác dự án/công trình thủy điện. Chỉ đạo giải phóng mặt bằng để thực hiện thi công Công trình Cấp điện nông thôn xã Hải Lâm.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh vị trí dự án Nhà máy điện gió Hướng Hiệp 1; Hiệu chỉnh hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án điện mặt trời HPP-Hải Dương vào Quy hoạch phát triển điện lực; Hỗ trợ Dự án Nhà máy điện gió Hướng Linh 4.

- Khảo sát nắm tình hình nguồn cung, nhu cầu hàng hóa và việc triển khai các quy định về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu 2021; Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2021; Triển khai xây dựng Chương trình tuyên truyền, quảng bá cho thương hiệu cà phê Việt Nam chất lượng cao gắn với thương hiệu ngành, chỉ dẫn địa lý; Tham mưu thành lập Ban Tạo thuận lợi thương mại tỉnh Quảng Trị.

- Triển khai thực hiện một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID - 19; Tiếp tục tăng cường chống buôn lậu, vận chuyển trái phép lợn, sản phẩm từ lợn và pháo qua biên giới, cửa khẩu, vùng biển; Trình UBND tỉnh xem xét ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của Sở Công Thương năm 2021. Báo cáo tổng kết Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện UNCAC của Sở Công Thương; Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật dịp Tết Tân sừ 2021 và phổ biến các Luật, nghị quyết mới được thông qua tại kỳ họp thứ 10, QH khóa XIV.

- Báo cáo và trình thẩm định dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; báo cáo về đội ngũ cán bộ, công chức viên chức năm 2020. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước, trong

và sau dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo yêu cầu UBND tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ cao 3 và 4 của Sở Công Thương Quảng Trị năm 2021; Triển khai thực hiện thu phí, lệ phí theo Thông tư 112/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2020.

IV. Một số công tác trọng tâm tháng 3 năm 2021

- Tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thương trực. Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2021 ngay từ tháng đầu năm.

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung cam kết thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đề xuất nội dung theo Chương trình hành động của UBND tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ.

- Thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2021; Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2021.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; Xây dựng Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh năm 2021; Tiếp tục điều tra năng lực sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo Bộ Công Thương về sử dụng năng lượng, định mức tiêu hao năng lượng và cập nhật danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2020. Phối hợp tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Giờ Trái đất năm 2021”. Tiếp tục hỗ trợ triển khai xây dựng Dự án TBA và đường dây 220kV Đông Hà -Lao Bảo, Dự án Cải tạo đường dây 110kV Đông Hà - Lao Bảo đảm bảo tiến độ.

- Xây dựng các kế hoạch thuộc công tác pháp chế của Sở năm 2021; Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2021; Tham mưu trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc; Tham mưu nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện.

- Xây dựng Đề án VTVL trình Sở Nội vụ thẩm định sau khi UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả năm 2020 và phân công trách nhiệm thực hiện cải thiện các nội dung chỉ số thành phần CCHC năm 2021 của Sở.

- Ban hành kế hoạch tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở; Triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở năm 2021; Lập dự toán và tổ chức các hoạt động chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại; công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 02 năm 2021 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 3 năm 2021; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 02 và 02 tháng năm 2021

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 01/2021		Dự ước tháng 02/2021			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2021 so với tháng 02/2020
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	155.50	108.96	135.19	86.94	107.03	108.05
1. Công nghiệp khai khoáng	95.85	95.84	70.77	73.84	93.56	94.86
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	163.79	111.15	139.19	84.98	107.15	109.28
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	166.06	106.73	164.23	98.90	112.41	109.48
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	107.73	96.11	110.37	102.46	98.87	97.49

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 02/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 02 và 02 tháng năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1028	666	1695	713	1974	64.80%	93.51%	85.87%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	563	469	1032	404	1051	83.33%	116.07%	98.18%
3	Đá xây dựng	M3	58377	47171	105548	50379	102091	80.80%	93.63%	103.39%
4	Tinh bột sắn	Tấn	10194	8583	18776	8399	17379	84.20%	102.19%	108.04%
5	Bia lon	1000 lít	2066	1400	3466	49	1999	67.76%	2857.1%	173.39%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1235	1020	2255	791	1875	82.59%	129.02%	120.29%
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	1217	1262	2479	1382	2518	103.69%	91.30%	98.44%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6098	5329	11427	6153	12582	87.39%	86.61%	90.82%
9	Dăm gỗ	Tấn	24929	21258	46187	26749	48594	85.28%	79.47%	95.05%
10	Ván ép	M3	20000	18800	38800	15537	30803	94.00%	121.00%	125.96%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	380	220	600	200	460	57.89%	110.00%	130.43%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	5766	5500	11266	5214	10502	95.39%	105.49%	107.27%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	328	325	653	239	438	99.09%	135.90%	149.04%
14	Săm xe các loại	1000 cái	392	394	786	432	824	100.51%	91.15%	95.36%
15	Xi măng	Tấn	17850	17020	34870	20625	35775	95.35%	82.52%	97.47%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	509	450	959	306	621	88.41%	147.02%	154.41%
17	Điện sản xuất	Triệu KWh	65	61	126	54	106	94.43%	112.20%	118.14%
18	Điện thương phẩm	Triệu KWh	52	53	105	53	113	101.92%	99.46%	92.68%
19	Nước máy	1000 m3	1050	1100	2150	1153	2252	104.76%	95.44%	95.49%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2859.58	2936.64	5796.22	2426.59	5319.72	102.70%	121.02%	108.96%
	Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng								
1	Ban lẻ hàng hóa	"	2504.41	2601.88	5106.29	2109.69	4651.80	103.89%	123.33%	109.77%
2	Dịch vụ lưu trú, ăn uống		249.48	227.90	477.38	219.15	459.81	91.35%	103.99%	103.82%
4	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-
5	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	105.68	106.87	212.56	97.76	208.10	101.12%	109.32%	102.14%